TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 13/5/2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý.

Ông Tạ Kỳ Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Đặng Thị L, sinh năm 1964; vắng mặt.

Cư trú tại: ấp B, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: ông Vương Văn R, sinh năm 1963; vắng mặt.

Cư trú tại: ấp B, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Bà và ông Vương Văn R chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại ấp B, xã HT đến nay. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không

thể hiểu và thông cảm cho nhau, thường xuyên gây gỗ nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc. Vợ chồng bà đã tự ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm đã phai nhạt, không còn lòng tin đối với nhau. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông R.

Về con chung: vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng bà không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông Vương Văn R đến Toà án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng ông R đều vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của ông R.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Đặng Thị L đối với ông Vương Văn R. Bà L được ly hôn ông R.

Về con chung: bà L, ông R không có con chung.

Về tài sản chung: bà L, ông R không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: bà L trình bày không có nợ.

Về án phí: bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Đặng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Vương Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông R chung sống với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L trình bày là do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cách sống nên thường gây gỗ nhau và vợ chồng bà L, ông R đã tự ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà L yêu cầu được ly hôn ông R.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ ông R nhiều lần nhưng ông R đều vắng mặt và cũng không gửi bản tự khai cho Tòa án, cho thấy ông R không có thiện chí hàn gắn cùng bà L. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bà L đều giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, không muốn hàn gắn, đoàn tụ với ông R, cho thấy đời sống hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa bà L và ông R đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông R, cho bà L được ly hôn ông R là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: vợ chồng bà L, ông R không có con chung.

[4] Về tài sản chung: bà L, ông R không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: bà L trình bày không có nợ.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị L đối với ông Vương Văn R.

Bà Đặng Thị L được ly hôn ông Vương Văn R.

2. Về con chung: bà L, ông R không có con chung.

3. Về tài sản chung: bà L, ông R không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà L trình bày không có nợ.

5. Án phí: bà Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027563 ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Bà L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà L, ông R có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2024/QĐ-SCBS	*Trảng Bàng, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung quyết định do sai sót, bị nhầm lẫn về họ tên của nguyên đơn trong Bản án số 33/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng về việc "Ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn*: bà Đặng Thị L, sinh năm 1964.

Cư trú tại: ấp B, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: ông Vương Văn R, sinh năm 1963.

Cư trú tại: ấp B, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 33/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng như sau:

Tại dòng thứ 11 từ trên xuống của trang 04 Bản án đã ghi:

"*Án phí: …… theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027563 ngày 05 tháng 10 năm 2024*".

Nay sửa chữa bổ sung như sau:

"Án phí: …… theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027563 ngày 05 tháng 10 năm 2023".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Thư